



Số: 2049/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Sài Gòn, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2019 (từ trang 08 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhân:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

817,
GT
M H
VÀ T
N V
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		42.769.875.051	36.551.007.159
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	5.390.728.859	4.362.912.096
111	1. Tiền		5.390.728.859	4.362.912.096
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		32.000.000.000	25.540.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	32.000.000.000	25.540.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.412.989.321	3.484.862.329
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	2.403.667.536	1.348.717.377
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	1.486.792.125
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.129.321.785	769.352.827
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(120.000.000)	(120.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.966.156.871	3.163.232.734
141	1. Hàng tồn kho		1.966.156.871	3.205.247.684
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(42.014.950)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.271.882.675	82.455.765.015
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		2.755.808.508	1.458.306.383
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	2.755.808.508	1.458.306.383
222	- Nguyên giá		4.651.354.993	3.584.995.278
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.895.546.485)	(2.126.688.895)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.8	75.643.227.775	80.270.142.543
231	- Nguyên giá		116.360.630.453	116.360.630.453
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.717.402.678)	(36.090.487.910)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		727.316.089	727.316.089
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	727.316.089	727.316.089
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		145.530.303	-
262	1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.10	145.530.303	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		122.041.757.726	119.006.772.174

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		69.574.483.113	72.963.132.160
310	I. Nợ ngắn hạn		17.715.753.953	16.567.135.333
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	2.838.098.896	4.131.819.523
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.564.705.087	2.087.418.352
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	6.842.116.425	4.513.539.077
314	4. Phải trả người lao động	V.14	272.133.173	1.040.022.573
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		4.400.000	2.759.091
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15	2.530.210.226	2.046.274.729
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	3.163.083.602	2.206.073.987
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	501.006.544	539.228.001
330	II. Nợ dài hạn		51.858.729.160	56.395.996.827
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.16b	51.858.729.160	56.395.996.827
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		52.467.274.613	46.043.640.014
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	52.467.274.613	46.043.640.014
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.210.000.000	4.210.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.394.429.630	7.735.833.303
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.862.844.983	9.097.806.711
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.673.372.535	4.493.802.456
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.189.472.448	4.604.004.255
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		122.041.757.726	119.006.772.174

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THANH LONG

NGÔ THANH LONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2019



HỒ PHƯỚC HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	97.044.933.116	127.839.573.491
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.044.933.116	127.839.573.491
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	59.083.147.760	93.846.068.986
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.961.785.356	33.993.504.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.358.578.979	1.933.182.817
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.643.674.763	3.696.889.176
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	483.753.362	697.919.053
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	21.995.488.493	19.732.564.460
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.197.447.717	11.799.314.633
31	11. Thu nhập khác	VI.7	356.456.364	123.678.909
32	12. Chi phí khác		-	22.455.867
40	13. Lợi nhuận khác		356.456.364	101.223.042
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.553.904.081	11.900.537.675
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13b	3.113.471.119	2.428.532.003
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.8	(145.530.303)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.585.963.265	9.472.005.672
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	3.939	3.220
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	3.939	3.220

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THANH LONG

NGÔ THANH LONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.13	14.553.904.081	11.900.537.675
	2. Điều chỉnh các khoản		2.360.425.701	2.953.012.759
02	- Khấu hao tài sản cố định	V.7, V.8	4.944.655.994	4.934.212.837
03	- Các khoản dự phòng		(42.014.950)	(48.017.261)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(3.080)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	V.7, VI.3, VI.7	(2.542.215.343)	(1.933.179.737)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.914.329.782	14.853.550.434
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(73.657.295)	511.721.114
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.239.090.813	1.592.179.956
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(5.641.749.073)	(3.072.567.027)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(2.601.053.509)	(2.422.795.027)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.664.000	127.970.000
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.781.779.947)	(1.861.435.704)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.060.844.771	9.728.623.746
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.615.243.351)	(626.198.230)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		183.636.364	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.460.000.000)	(15.540.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	9.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.358.578.979	1.933.179.737
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.533.028.008)	(5.233.018.493)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(1.500.000.000)	(2.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.500.000.000)	(2.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		1.027.816.763	1.995.605.253
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.362.912.096	2.367.303.763
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	3.080
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	5.390.728.859	4.362.912.096

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THANH LONG

NGÔ THANH LONG

